

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày: 09-9-2023
V/v Yêu cầu chia tài sản
chung, chia di sản thừa kế và
hủy quyết định cá biệt

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Liên

Ông Nguyễn Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thúy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Lương Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “Yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44A/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị S, sinh năm 1970;

Địa chỉ: khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Thu V và bà Lê Thị Sao M – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q.

+ Ông Nguyễn Văn H – Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; Địa chỉ: Số G P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn:

+ Bà Phùng Thị T, sinh năm 1954; Địa chỉ: khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà **Phùng Thị T1**, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số H T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1*: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1986; Địa chỉ: khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo Giấy ủy quyền ngày 06/8/2019.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. **Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.**

Do ông Nguyễn Thanh V1, chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 13/5/2021.

2. Ông **Nguyễn N**, sinh năm 1967, địa chỉ: Khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

3. Ông **Đinh Văn V2**, sinh năm 1979, địa chỉ: Khối Hà Q, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Ông **Trần Phước L**, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

5. Bà **Lê Thanh T2**, sinh năm 1992, địa chỉ: khối phố P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

6. Ông **Trương Văn H1**, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn X, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

7. Bà **Trương Thị Tuyết P**, sinh năm 1991, địa chỉ: khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

8. Bà **Phạm Thị N1**, sinh năm 1970;

Do ông Dương Phú S1, sinh năm 1962 đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2020.

9. Ông **Dương Phú S1**, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: khối phố B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

10. Bà **Trần Thị Thu T3**, sinh năm 1968; Địa chỉ: K, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phùng Thị S trình bày:

Cha tôi là ông Phùng C, chết năm 2004 và mẹ tôi là Phạm Thị N2, chết năm 2002. Cha mẹ tôi có 04 người con là: Bà Phùng Thị T, bà Phùng Thị T1, ông Phùng Tấn D chết 1989 không có vợ con và tôi là Phùng Thị S. Ngoài ra, cha mẹ tôi không

có con riêng, con nuôi nào khác. Từ trước năm 1975, cha mẹ tôi và 04 chị em tôi sinh sống tại thôn B (nay là khối H), xã Đ.

Năm 1974, chị Phùng Thị Trà I gia đình và theo chồng về sinh sống tại thôn A (nay là khối H), xã Đ từ đó cho đến nay. Năm 1978 chị Phùng Thị T1 đi công nhân quốc phòng, tại đơn vị 387 ở thành phố Đà Nẵng và lấy chồng sinh sống tại Đà Nẵng cho đến nay. Trong gia đình chỉ có cha mẹ, anh Phùng Tấn D và tôi sinh sống. Do khi sinh sống trên mảnh vườn cũ (thôn B) anh Phùng Tấn D bị tâm thần, nên năm 1988 cha mẹ tôi dời nhà sang thôn B (nay là khối Hà My T), xã Đ để làm nhà. Lúc đó trong hộ cha mẹ tôi, chỉ có 04 nhân khẩu gồm: cha, mẹ, anh D và tôi. Khi cha, mẹ tôi dời nhà qua khu vườn mới có diện tích $735m^2$, đến năm 1995 thì cha mẹ tôi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất thổ cư $735m^2$, thửa số 85, tờ bản đồ số 9. Bản thân tôi sinh sống cùng cha mẹ từ **nhỏ** cho đến khi cha mẹ qua đời. Năm 1996, do cần đất để canh tác và xung quanh khu vườn của gia đình tôi còn nhiều đất hoang, nên bản thân tôi đã khai phá cây gai long, dừa hoang... để trồng khoai, sắn để cải thiện cuộc sống. Lúc đó, diện tích tôi khai hoang này là vùng trũng đọng nước mỗi khi trời mưa, nên tôi đã thuê xe đổ đất để nâng cao diện tích đất này. Diện tích đất tôi khai hoang qua đo đạc là $906,8m^2$, tôi đã sử dụng ổn định để trồng khoai, sắn, sau này trồng cây Q1 và không có tranh chấp với ai. Cho đến nay diện tích khai hoang này tôi vẫn quản lý, sử dụng và chưa làm các thủ tục kê khai đăng ký theo quy định. Năm 2004, UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã) đã cắt một phần diện tích đất ($200m^2$) trong phần đất tôi khai hoang để cấp cho bà Trần Thị Thu T3. Bản thân tôi đã thương lượng về công khai hoang, bồi trúc xong, nên tôi không có ý kiến gì đối với diện tích $200m^2$ đất mà UBND huyện Đ đã cấp cho bà T3. Năm 2002, tôi lập gia đình cùng anh Nguyễn N và vợ chồng sinh sống cùng cha mẹ tôi. Năm 2002 mẹ tôi chết, đến năm 2004 cha tôi chết. Khi chết cha mẹ tôi không để lại di chúc.

Đối với diện tích đất tôi tự khai hoang vào năm 1996, qua đo đạc là $906,8m^2$ bản thân tôi đang quản lý, sử dụng để trồng trọt nhưng chưa kê khai, đăng ký theo quy định. Đây không phải là tài sản chung và di sản của cha mẹ để lại, tôi yêu cầu không phân chia đối với diện tích đất này. **Diện tích** đất khai hoang $906,8m^2$ bản thân tôi đã khai hoang bồi trúc từ năm 1996 cho đến nay, không có tranh chấp với ai. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn, nên tôi chưa lập thủ tục để Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất đối với diện tích đất này.

Hiện nay tôi được biết ngày 23/7/2004 UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 289/QĐ-UB, cắt 01 phần đất trong diện tích đất khai hoang của tôi cấp cho Hộ bà Trần Thị Thu T3 là thửa số 28, lô 05, tờ bản đồ 09, diện tích $200m^2$ tại khối H, phường Đ. Đến nay 28/02/2019 bà T3 đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông Đinh Văn V2. Tôi và ông V2 đã thỏa thuận xong, nên tôi không có yêu cầu gì đối với thửa đất này.

Theo Quyết định số 288/QĐ-UB ngày 23/7/2004 thì UBND huyện Đ cắt 01 phần đất trong diện tích đất khai hoang của tôi cấp cho Hộ bà Phạm Thị N1 tại thửa số 28, lô 06, tờ bản đồ 09, diện tích $200m^2$ tại khối H, phường Đ. Đối với thửa đất này tôi không biết lý do gì UBND huyện Đ lại cấp cho Hộ bà Phạm Thị N1, nên tôi yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSD đất đối với thửa đất này.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế gồm:

- Diện tích đất thổ cư 735m^2 đã được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất là tài sản chung của ông Phùng C, bà Phạm Thị N2 và tôi (Phùng Thị S): 735m^2 : 3 người = 245m^2 /người. Trong đó, phần di sản (đất) do cha mẹ tôi để lại là $245\text{m}^2 \times 2 = 490\text{m}^2$: 4 phần (01 phần làm nhà thờ cha mẹ do bà T và bà T1 cùng quản lý, bà T, bà T1 và tôi) = $122,5\text{m}^2$ /phần. Như vậy, tổng diện tích tôi được nhận gồm tài sản chung và di sản thừa kế của cha mẹ là $245\text{m}^2 + 122,5\text{m}^2 = 367,5\text{m}^2$ đất thổ cư trong diện tích đất thổ cư 735m^2 , thửa số 85, tờ bản đồ số 9, theo Giấy CNQSD đất số G 820450 ngày 10/8/1995 của UBND huyện Đ cấp cho hộ ông Phùng C.

- Các diện tích đất nông nghiệp gồm: Thửa đất số 69, diện tích 407m^2 (đã bị giải tỏa $126,3\text{m}^2$, tôi đã nhận tiền) nên còn lại $280,7\text{m}^2$ và đã được điều chỉnh trong Giấy CNQSD đất; Thửa đất số 957, diện tích 618m^2 ; Thửa đất số 752, diện tích 375m^2 (đã bị giải tỏa và tôi đã nhận tiền) nhưng chưa điều chỉnh trong Giấy CNQSD đất và thửa đất số 1050, diện tích 245m^2 . Đối với số tiền tôi đã nhận bồi thường tôi sẽ chịu trách nhiệm bồi trả lại cho các đồng thừa kế khác.

- Giá trị 01 ngôi nhà 03 gian xây dựng trên đất.

2. Yêu cầu Tòa án tính công bồi trúc (đổ đất): 40m^3 trị giá 40.000.000 đồng tôi đã đổ vào diện tích đất 735m^2 và tính công bảo quản di sản thừa kế của cha mẹ từ năm 2004 đến nay.

3. Yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Phạm Thị N1.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu chia diện tích đất ngoài Giấy CNQSD đất qua đo đạc (do Chi nhánh Công ty CP Đ bản đồ và K tại Quảng Nam đo ngày 11/8/2023) thì tôi không đồng ý.

Tôi đồng ý với kết quả đo đạc, kết quả định giá tài sản và tôi tự nguyện chịu khoản chi phí tố tụng đó.

Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là ông Nguyễn Q trình bày:

Ông ngoại tôi là ông Phùng C chết năm 2004 và bà ngoại tôi là Phạm Thị N2 chết năm 2002. Ông bà ngoại tôi có 04 người con là: Bà Phùng Thị T, bà Phùng Thị T1, ông Phùng Tấn D chết 1989 không có vợ con và bà Phùng Thị S. Ngoài ra, ông bà ngoại tôi không có con riêng, con nuôi nào khác.

Khi chết ông bà ngoại tôi không để lại di chúc. Ngày 07/4/2021, bà T và bà T1 có đơn phản tố yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế gồm:

- Diện tích đất thổ cư 735m^2 , thửa số 85, tờ bản đồ số 9 và 04 thửa đất nông nghiệp theo Giấy CNQSD đất số G 820450 ngày 10/8/1995 của UBND huyện Đ.

- Chia diện tích đất ngoài Giấy CNQSD đất qua đo đạc là $733,3\text{m}^2$ (gồm: $333,3\text{m}^2$ đất khai hoang, 200m^2 đất cho hộ bà Phạm Thị N1 và 200m^2 đất cho hộ bà Trần Thị Thu T3) do Chi nhánh Công ty CP Đ bản đồ và K tại Quảng Nam đo ngày 11/8/2023. Đây là diện tích đất khai hoang của cha mẹ bà T, bà T1 để lại liền kề với diện tích 735m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận và có tứ cận không thay đổi.

- 01 ngôi nhà 03 gian để lại làm nhà thờ.

Tuy nhiên, năm 2004 Nhà nước đã cắt một phần diện tích đất khai hoang của hộ ông Phùng C cấp cho hộ bà Trần Thị Thu T3, diện tích 200m^2 tại thửa 28/5, tờ bản đồ số 9, theo Giấy CNQSD đất số Đ 833437 ngày 31/8/2004 và hộ bà Phạm Thị N1,

diện tích 200m² tại thửa 28/6, tờ bản đồ số 9, theo Giấy CNQSD đất số Đ 833438 ngày 31/8/2004.

Đối với diện tích đất nông nghiệp ông yêu cầu Tòa án chia các thửa đất nông nghiệp và số tiền bồi thường bà Phùng Thị S đã nhận theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị ngôi nhà 03 gian có trên diện tích đất tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu tính công bồi trúc đất của nguyên đơn thì tôi đồng ý.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tôi có ý kiến như sau:

1. Yêu cầu chia di sản thừa kế gồm:

- Xác định diện tích đất thổ cư 735m², thửa số 85 theo Giấy CNQSD đất ngày 10/8/1995 của UBND huyện Đ cấp cho hộ ông Phùng C là di sản thừa kế ông Phùng C, bà Phạm Thị N2 để lại. Phần diện tích đất 735m² chia làm bốn phần, một phần để lại làm nhà thờ, ba phần còn lại chia đều cho bà S, bà T, bà T1 ($735\text{m}^2 : 4 = 183,75\text{m}^2$).

- Giá trị 01 ngôi nhà 03 gian xây dựng trên đất.

2. Yêu cầu chia thừa kế diện tích đất ngoài Giấy CNQSD đất qua đo đạc là 733,3m². Đây là diện tích đất khai hoang của cha mẹ bà T, bà T1 để lại liền kề với diện tích 735m² đã được cấp Giấy chứng nhận và có tứ cận không thay đổi.

3. Đồng ý với yêu cầu tính công bồi trúc (đổ đất) và công bảo quản di sản thừa kế của bà S.

4. Yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất UBND huyện Đ cấp thửa đất số 28/5, diện tích 200m² cho hộ bà Trần Thị Thu T3 ngày 31/8/2004.

Tại Công văn số 499/TNMT ngày 26/11/2021 đại diện ủy quyền UBND thị xã Đ trình bày:

- Ngày 15/6/2004, bà Trần Thị T3 có Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở gửi UBND huyện Đ tại thửa đất số 28 lô 05, tờ bản đồ số 9, diện tích 200m² có nguồn gốc đất là đất hoang thửa 28, tờ bản đồ số 9, diện tích 176.498m² do UBND xã Đ quản lý được UBND tỉnh Q quy hoạch bố trí dân cư theo Quyết định số 1104/QĐ-UB ngày 17/6/1998 và được UBND xã Đ có ý kiến: đất không có tranh chấp thuộc khu quy hoạch bố trí dân cư được UBND tỉnh phê duyệt ngày 15/6/2004 và đề nghị của Phòng Tài nguyên - môi trường huyện, UBND huyện ban hành: Quyết định số 289/QĐ-UB ngày 23/7/2004 về việc giao đất xây dựng nhà ở cho hộ bà Trần Thị T3 tại thửa đất 28 lô 5, tờ bản đồ số 09, diện tích 200m² có sơ đồ kèm theo quyết định giao đất.

Ngày 21/7/2004, bà Trần Thị T3 đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Từ các cơ sở trên, việc UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất số D 833437 cho hộ bà Trần Thị T3 là đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 23/7/2004, trên cơ sở Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở của bà Phạm Thị N1; Đề nghị của UBND xã Đ và đề nghị của phòng Tài nguyên - môi trường và KHCN huyện, UBND huyện ban hành: Quyết định số 288/QĐ-UB ngày 23/7/2004 về việc giao đất xây dựng nhà ở cho hộ bà Phạm Thị N1 tại thửa đất 28 lô 5, tờ bản đồ số 09, diện tích 200m² có sơ đồ kèm theo quyết định giao đất.

Ngày 26/7/2004, bà Phạm Thị N1 có Đơn xin cấp Giấy CNQSD đất được UBND xã Đ tiến hành lập Biên bản giao đất và xác nhận đã đăng ký đất ngày

16/8/2004. Trên cơ sở đó, UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất số D 833437 cho hộ bà Phạm Thị N1 là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn N trình bày:

Tôi và bà Phùng Thị S tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống từ năm 2002, nhưng đến năm 2004 chúng tôi mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới (2002), vợ chồng tôi về chung sống cùng cha mẹ vợ là ông Phùng C và mẹ vợ là Phạm Thị N2 tại Thôn B, xã Đ. Khi tôi về làm rể thì nhà cha mẹ vợ chỉ có 04 người là cha mẹ vợ, vợ tôi và tôi sinh sống trong ngôi nhà và khu vườn như hiện nay. Còn chị vợ tên là Phùng Thị Trà l gia đình và theo chồng về sinh sống tại thôn A, xã Đ đến nay. Chị vợ Phùng Thị T1 lấy chồng sinh sống tại Đà Nẵng đến nay. Anh vợ là Phùng Tấn D chết 1989 không có vợ con và được thờ tại nhà cha mẹ vợ tôi.

Vợ chồng tôi sinh sống cùng nhà cha mẹ vợ tại thửa số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích $735m^2$ cho đến khi cha mẹ vợ qua đời. Lúc đó ngoài diện tích đất này ra thì vợ tôi có khai hoang đất quanh vườn nhà để trồng khoai, sắn để cải thiện cuộc sống. Sau khi khai hoang cho đến nay, vợ chồng tôi sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng với các hộ liền và không có ai tranh chấp. Thời gian sau này do nhân dân làm nhà ở nhiều nên khu vườn nhà vợ tôi và diện tích khai hoang này là vùng trũng đọng nước mỗi khi trời mưa. Đến năm 2017 vợ chồng tôi đã thuê ông Nguyễn Văn T4, đổ đất để nâng cao diện tích đất ở và đất khai hoang này như hiện nay. Khi đó vợ chồng tôi bồi trúc để nâng cao vào diện tích đất đã được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất ($735m^2$) là $40 \text{ xe} \times 8m^3/\text{xe} = 320m^3 \times 100.000 \text{ đồng}/m^3 = 32.000.000 \text{ đồng}$; bồi trúc để nâng cao vào diện tích đất vợ tôi khai hoang từ năm 1996 ($906,8m^2$) là $80 \text{ xe} \times 8m^3/\text{xe} = 640m^3 \times 100.000 \text{ đồng}/m^3 = 64.000.000 \text{ đồng}$.

Cho đến nay diện tích khai hoang này vợ tôi vẫn quản lý, sử dụng nhưng do gia đình tôi là hộ nghèo và do nhận thức pháp luật thấp, nên vợ chồng tôi chủ quan cho đến nay thì chưa làm các thủ tục kê khai đăng ký theo quy định và chưa được nhà nước cấp Giấy CNQSD đất đối với diện tích khai hoang. Năm 2004, UBND xã Đ đã tự ý cắt một phần diện tích đất là $400m^2$ trong phần đất vợ tôi khai hoang mà không thông báo, hay có thủ tục thu hồi, đền bù cho vợ chồng tôi là những người đang quản lý sử dụng, để cấp cho bà Trần Thị Thu T3 $200m^2$ và bà Phạm Thị N1 $200m^2$. Sau khi vợ tôi khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế thì vợ chồng tôi mới biết đất mình khai hoang, bồi trúc, quản lý sử dụng ổn định từ năm 1996 đã được cấp cho bà Trần Thị Thu T3 và bà Phạm Thị N1 và UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp Giấy CNQSD đất cho bà N1 và bà T3. Tôi được biết bà Trần Thị Thu T3 đã chuyển nhượng $200m^2$ này cho ông Đinh Văn V2, vợ chồng tôi và ông V2 đã thỏa thuận xong với ông V2 nên không có ý kiến gì đối với diện tích đất $200m^2$ cấp cho hộ bà T3. Đối với diện tích $200m^2$ trong $733,3m^2$ khai hoang của vợ tôi cấp cho hộ bà Phạm Thị N1, tại thửa số 28, lô 06, tờ bản đồ 09, diện tích $200m^2$ ($8m \times 25m$), tại khối H, phường Đ tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của vợ tôi. Đối với công bồi trúc (đổ đất) để nâng cao diện tích $733,3m^2$ đất khai hoang và $735m^2$ đất được cấp Giấy CNQSD đất, tôi yêu cầu các bên liên quan phải hoàn trả lại công bồi trúc cho tôi. Đối với công bảo quản di sản thừa kế của cha mẹ từ năm 2004 đến nay tôi không có ý kiến gì.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 02/8/2023 ,người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N1 và ông Dương Phú S1 trình bày:

Vào năm 2004 vợ chồng tôi làm đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở gửi UBND xã Đ xem xét, giải quyết. Sau khi tiếp nhận đơn, UBND xã Đ tiến hành xem xét hồ sơ, đo đạc hiện trạng thửa đất và xác nhận. Hộ gia đình tôi xin giao đất thuộc khu quy hoạch bố trí dân cư được UBND huyện Đ phê duyệt, đất không có tranh chấp và chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Đến ngày 16/7/2004 vợ chồng tôi được cơ quan có thẩm quyền thông báo nộp tiền sử dụng đất và lệ phí địa chính. Sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, ngày 23/7/2004 UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 288/QĐ-UB giao đất để xây dựng nhà ở cho hộ Phạm Thị N1 diện tích 200m², thuộc loại đất Hg QHDC, thửa số 28 lô 6, tờ bản đồ số 09 của xã Đ. Đến ngày 31/8/2004 vợ chồng tôi được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất diện tích 200m², thửa đất số 28 (6), tờ bản đồ số 9, tên người sử dụng đất hộ Phạm Thị N1; Cùng thời điểm tại khu vực này Nhà nước cũng cấp Giấy CNQSD đất cho nhiều người tương tự như cấp đất vợ chồng tôi.

Đến ngày 16/8/2004 UBND xã Đ tiến hành bàn giao đất được cấp cho vợ chồng tôi (có biên bản giao đất), vợ chồng tôi đã nhận đất sử dụng, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, nên chưa làm nhà ở và cũng chưa rào chắn xung quanh đối với thửa đất được giao. Vào thời điểm giao đất thì diện tích 200m² là đất trống, trên đất không có tài sản, cây cối, không có ai tranh chấp. Tuy nhiên những năm gần đây hộ bà Phùng Thị S đã trồng một số cây hoa màu ngắn ngày trên đất của vợ chồng tôi.

Nay các con ông Phùng C yêu cầu: Huỷ Giấy CNQSD đất cấp ngày 31/8/2004 đối với diện tích 200m², thửa đất số 28 (6), tờ bản đồ số 09 và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 200m², vợ chồng tôi không chấp nhận các yêu cầu của bà T và bà T1 vì các yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu T3 trình bày: Vào năm 2004 vợ chồng bà làm đơn và được UBND huyện Đ cấp diện tích 200m² đất để làm nhà ở và có nộp tiền sử dụng đất. Sau khi được Giấy CNQSD đất thửa đất trên, vợ chồng tôi đã chuyển nhượng cho ông Đinh Văn V2 và đã sang tên ông Đinh Văn V2. Nay bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 yêu cầu: Huỷ Giấy CNQSD đất cấp ngày 31/8/2004 đối với diện tích 200m² vợ chồng tôi không chấp nhận và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn V2 trình bày: Ngày 28/02/2019 ông có nhận chuyển nhượng thửa đất số 28 (6), diện tích 200m² của vợ chồng bà Trần Thị Thu T3. Sau khi thỏa thuận trả tiền công bồi trừc cho bà Phùng Thị S tôi đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông Trần Phước L và vợ chồng ông Trương Văn H1. Nay bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 yêu cầu: Huỷ Giấy CNQSD đất đối với diện tích 200m² đất mà tôi đã mua hợp pháp, tôi không chấp nhận và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phước L và bà Lê Thanh T2 trình bày: Ngày 05/4/2021 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn V2 100m² đất để xây nhà ở. Khi mua đất vợ chồng ông bà có kiểm tra đất có bìa đỏ và có tài sản trên đất. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng và vợ chồng ông bà đã giao tiền đủ cho ông Đinh Văn V2. Nay bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 yêu cầu: Huỷ Giấy CNQSD đất đối với diện tích 100m² đất mà vợ

chồng tôi đã mua hợp pháp, chúng tôi không chấp nhận và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn H1 và bà Trương Thị Tuyết P trình bày: Ngày 16/4/2021 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn V2 100m² đất để xây nhà ở. Khi mua đất vợ chồng ông bà có kiểm tra đất có bìa đỏ và có tài sản trên đất. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng và vợ chồng ông bà đã giao tiền đủ cho ông Đinh Văn V2. Nay bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 yêu cầu: Huỷ Giấy CNQSD đất đối với diện tích 100m² đất mà vợ chồng tôi đã mua hợp pháp, chúng tôi không chấp nhận và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật, từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 26, 34, 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 Luật Đất đai 2013; Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Chính phủ; Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị S về việc “*Chia di sản thừa kế Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*” với bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị Trúc .

Công nhận thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m² tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995 là di sản thừa kế của ông Phùng C và bà Phạm Thị N2 chết để lại.

Giao cho bà Phùng Thị S và ông Nguyễn N được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 335m², tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995 (đề nghị HĐXX TAND tỉnh Quảng Nam yêu cầu Cơ quan chức năng vẽ sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án).

Giao cho bà Phùng Thị T được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 85/1, tờ bản đồ số 9, diện tích 200m², tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995.

Giao cho bà Phùng Thị T1 được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 85/2, tờ bản đồ số 9, diện tích 200m², tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung hộ gia đình của bà Phùng Thị S đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m².

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp diện tích 200m² đất đã được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ bà Phạm Thị N1 ngày 31/8/2004 của bà Phùng Thị S.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp diện tích 200m² đất đã được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ bà Trần Thị Thu T3 ngày 31/8/2004 của bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị Trúc .

Đình chỉ giải quyết về việc yêu cầu: chia tài sản chung và chia thừa kế các thửa đất nông nghiệp được cấp trong Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Phùng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án: Chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế của ông Phùng C và bà Phạm Thị N2 và hủy Giấy CNQSD đất do UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Phạm Thị N1 đối với thửa đất số 28 (6), diện tích 200m²; Bị đơn bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất do UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Trần Thị Thu T3 đối với thửa đất số 28 (5), diện tích 200m², nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “*Yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt*” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa sơ thẩm lần 02 vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên những người này có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, những người còn lại đã được triệu tập lần 02 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về diện tích đất tranh chấp:

Theo Mảnh trích đo số 1295-2023 do Chi nhánh Công ty cổ phần Đ bản đồ và K tại Quảng Nam đo vẽ ngày 11/8/2023 thì diện tích đất tranh chấp là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m² tại khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995.

Ngoài ra, các đương sự còn tranh chấp:

Diện tích 200m² đất đã được UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Phạm Thị N1 ngày 31/8/2004.

Diện tích 200m² đã được UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Trần Thị Thu T3 ngày 31/8/2004.

Diện tích 333,3m² đất khai hoang nằm ngoài thửa đất số 85.

[2.2] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

[2.2.1] Về nguồn gốc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m² tại khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995. Nguyên đơn bà Phùng Thị S cho rằng là tài sản chung của 03 người: Ông Phùng C, bà Phạm Thị N2 và bà Phùng Thị S. Bị đơn bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 cho rằng là tài sản chung của ông Phùng C và bà Phạm Thị N2, Hội đồng xét xử xét:

Tại Đơn khởi kiện (BL 01) bà Phùng Thị S cũng đã thừa nhận: Do khi sinh sống trên mảnh vườn cũ (thôn B) anh Phùng Tấn D bị tâm thần, nên năm 1988 cha mẹ tôi **dời nhà** sang thôn B (nay là khối Hà My T), xã Đ để làm nhà, lúc đó trong hộ cha mẹ tôi chỉ có 04 nhân khẩu gồm cha, mẹ, anh D và tôi. Khi cha, mẹ tôi dời nhà qua khu vườn mới có diện tích 735m², đến năm 1995 thì cha mẹ tôi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất thổ cư 735m², thửa số 85, tờ bản đồ số 9. Bản thân tôi sinh sống cùng cha mẹ từ nhỏ cho đến khi cha mẹ qua đời. Và do cấp đất theo Nghị định 64/CP và cấp theo nhân khẩu là cấp đất nông nghiệp, còn đất thổ cư: thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m² cấp cho hộ Phùng Chè là cấp theo hiện trạng thực tế vợ chồng ông Phùng C đang quản lý sử dụng.

Do đó, có cơ sở xác định nguồn gốc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m² tại khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995 là của ông Phùng C và bà Phạm Thị N2 tạo lập. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình của bà Phùng Thị S đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m².

[2.2.2] Đối với yêu cầu chia thừa kế:

[2.3.1] Về hàng thừa kế: Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự có mặt đều thống nhất:

Ông Phùng C chết năm 2004 và bà Phạm Thị N2 chết năm 2002, vợ chồng ông C bà N2 không để lại di chúc. Vợ chồng ông C bà N2 có 04 người con chung là: Bà Phùng Thị T, bà Phùng Thị T1, ông Phùng Tấn D chết 1989 không có vợ con và bà Phùng Thị S. Ngoài những người con trên, ông C bà N2 không có con riêng nào khác. Do đó, di sản của ông C bà N2 để lại sẽ được chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C bà N2 gồm: Bà Phùng Thị T, bà Phùng Thị T1 và bà Phùng Thị S là phù hợp với quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3.2] Về di sản thừa kế:

Như đã phân tích tại mục [2.2.1] do đó, Hội đồng xét xử xác định: thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m² tại khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là di sản thừa kế của ông C bà N2 chết để lại.

Tại Biên bản xem xét thẩm định, Biên bản định giá tài sản cùng ngày 14/4/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều xác nhận: Trên diện tích 735m²

đất có ngôi nhà cấp 4 có nguồn gốc của cha mẹ để lại trị giá 50.593.000 đồng và các vật kiến trúc như: nhà trệt, chái tol, nhà vệ sinh, sân và tường gạch có tổng giá trị 36.434.000 đồng là do vợ chồng bà Phùng Thị S xây mới sau khi ông C bà N2 chết và có một số cây do ông C bà N2 trồng còn lại và do vợ chồng bà Phùng Thị S trồng. Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất: Không yêu cầu chia các tài sản, vật kiến trúc và cây cối hiện có trên đất, mà chỉ yêu cầu phân chia di sản là quyền sử dụng đất và đồng ý: Tài sản, vật kiến trúc và cây cối hiện có trên phần đất được giao cho ai, thì người đó được sở hữu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3.3] Về công sức tôn tạo, giữ gìn và quản lý di sản thừa kế, các đương sự đều yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét: Các đương sự đều thừa nhận từ khi về chung sống với cha mẹ là ông C bà N2 trên diện tích đất tranh chấp hiện nay, trong quá trình quản lý sử dụng, vợ chồng bà Phùng Thị S rất có trách nhiệm trong việc giữ gìn nhà và đất được như hiện nay. Nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận tính công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế của vợ chồng bà Phùng Thị S là 18,365 % của diện tích 735m² đất tương đương với 135m² đất.

Như vậy, tài sản thừa kế của ông C bà N2 chết để lại được xác định là di sản thừa kế là diện tích 735m² đất - diện tích 135m² đất (công sức) = 600m² đất.

Giá trị di sản thừa kế của ông C bà N2 chết để lại là 600m² đất chia 03 người, mỗi người được nhận 200m² đất. Như vậy, bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 mỗi người được hưởng thừa kế là 200m² đất. Riêng bà Phùng Thị S được cộng thêm công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế là diện tích 135m² đất, nên được sử dụng 335m² đất.

[2.3.4] Về giao tài sản: Tại phiên tòa, các đương sự đều yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất (bằng hiện vật). Thừa đất các đương sự yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất (bằng hiện vật) đủ điều kiện tách thửa. Do đó, Hội đồng xét xử giao diện tích từng người được hưởng quyền sử dụng đất (bằng hiện vật) là phù hợp. Cụ thể:

Giao cho vợ chồng bà Phùng Thị S nhận diện tích 335m² (85);

Giao cho bà Phùng Thị T nhận diện tích 200m² (85/1);

Giao cho bà Phùng Thị T1 nhận diện tích 200m² (85/2);

[3] Đối với yêu cầu tranh chấp diện tích 200m² đất và hủy Giấy CNQSD đất UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Phạm Thị N1 ngày 31/8/2004, Hội đồng xét xử xét: Bà Phùng Thị S, bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 không có chứng cứ gì để chứng minh diện tích 200m² đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình. Từ năm 2004 đến nay, bà S, bà T và bà T1 không quản lý sử dụng, không kê khai đăng ký và cũng không có tài sản trên đất. Tại Công văn số 289/TNMT ngày 06/8/2020 (BL 153) UBND thị xã Đ đã khẳng định: Phần diện tích khai phá ngoài Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè, chưa được thực hiện đăng ký đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, không có cơ sở để xác định đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Nên Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Bị đơn bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 yêu cầu tranh chấp diện tích 200m² đất và hủy Giấy CNQSD đất UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Trần Thị Thu T3

ngày 31/8/2004, Hội đồng xét xử xét: Bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 không có chứng cứ gì để chứng minh diện tích 200m² đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của mình. Từ năm 2004 đến nay, bà T và bà T1 không quản lý sử dụng, không kê khai đăng ký và cũng không có tài sản trên đất. Tại Công văn số 289/TNMT ngày 06/8/2020 (BL 153) UBND thị xã Đ đã khẳng định: Phần diện tích khai phá ngoài Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè, chưa được thực hiện đăng ký đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hơn nữa, phần diện tích này bà Phùng Thị S cũng đã thỏa thuận và nhận công bồi trúc với bà Trần Thị Thu T3 xong, nên Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu này của các bị đơn.

[5] Đối với diện tích 333,3m² đất khai hoang nằm ngoài thửa đất số 85. Bà Phùng Thị S cho rằng do bà khai hoang, bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 cho rằng do ông Phùng C và bà Phạm Thị N2 khai hoang, Hội đồng xét xử xét: Tại Biên bản hòa giải ngày 23/7/2020 do UBND phường Đ (BL 125) và Công văn số 289/TNMT ngày 06/8/2020 (BL 153) UBND thị xã Đ đã khẳng định: Phần diện tích khai phá ngoài Giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ Phùng C là do hộ ông Phùng C khai hoang. Nhưng do hộ ông Phùng C chưa thực hiện đăng ký đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và khẳng định: Không có cơ sở để xác định đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà Phùng Thị S, bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị Trúc .

[6] Đối với các thửa đất nông nghiệp: Tại Biên bản hòa giải ngày 14/6/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã thống nhất không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và chia thừa kế các thửa đất nông nghiệp được cấp trong Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995. Nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được hưởng di sản thừa kế phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản mình được hưởng. Tuy nhiên, bà Phùng Thị S là hộ nghèo, bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 là người cao tuổi, đồng thời có nộp đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản theo giá thị trường tổng cộng là 17.000.000 đồng. Được chia theo tỷ phần được hưởng, cụ thể: Bà Phùng Thị S phải chịu 7.000.000 đồng, bà Phùng Thị T phải chịu 5.000.000 đồng và bà Phùng Thị T1 phải chịu 5.000.000 đồng. Do bà Phùng Thị S đã nộp tạm ứng toàn bộ, nên bà T, bà T1 phải hoàn lại cho bà S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị S về việc “Chia di sản thừa kế ” với bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị Trúc .

- Công nhận thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m² tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995 là di sản thừa kế của ông Phùng C và bà Phạm Thị N2 chết để lại.

- Giao cho bà Phùng Thị S và ông Nguyễn N được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 335m² tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995 (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*).

Giao cho bà Phùng Thị T được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 85/1, tờ bản đồ số 9, diện tích 200m² tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995 (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*).

Giao cho bà Phùng Thị T1 được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 85/2, tờ bản đồ số 9, diện tích 200m² tại khối phố H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995 (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “chia tài sản chung hộ gia đình” của bà Phùng Thị S đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 9, diện tích 735m².

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp diện tích 200m² đất và hủy Giấy CNQSD đất UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Phạm Thị N1 ngày 31/8/2004 của bà Phùng Thị S.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp diện tích 200m² đất và hủy Giấy CNQSD đất UBND huyện Đ cấp cho hộ bà Trần Thị Thu T3 ngày 31/8/2004 của bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị Trúc .

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp đối với diện tích 333,3m² đất khai hoang nằm ngoài thửa đất số 85 của bà Phùng Thị S.

Đình chỉ giải quyết về việc yêu cầu: Chia tài sản chung và chia thừa kế các thửa đất nông nghiệp được cấp trong Giấy CNQSD đất cho hộ Phùng Chè ngày 10/8/1995.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phùng Thị S là hộ nghèo, bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 là người cao tuổi, được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản theo giá thị trường: Bà Phùng Thị S phải chịu 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), bà Phùng Thị T phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) và bà Phùng Thị T1 phải chịu 5.000.000

đồng (Năm triệu đồng). Do bà Phùng Thị S đã nộp tạm ứng toàn bộ, nên bà Phùng Thị T và bà Phùng Thị T1 mỗi người phải hoàn lại cho bà Phùng Thị S 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thịnh